

|                         |     |           |            |            |
|-------------------------|-----|-----------|------------|------------|
| Ngày soạn<br>24/12/2024 | Dạy | Ngày      | 03/01/2025 | 03/01/2025 |
|                         |     | Tiết(TKB) | 1          | 4          |
|                         |     | Lớp       | 6D         | 6E         |

## TIẾT 51: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

### I: MỤC TIÊU

#### 1. Về kiến thức

- + Lịch sử là gì, cách tính thời gian trong lịch sử
  - + Xã hội nguyên thủy
  - + Ai cập, Lưỡng Hà, và Ấn Độ cổ đại
- Hệ thống kiến thức cơ bản theo chủ đề Bản Đồ - Phương tiện thể hiện trên bề mặt Trái Đất; Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời.

#### 2. Về năng lực

- + Trình bày sự xuất hiện của con người trên Trái Đất; Các giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy thông qua lao động sản xuất; Lý giải nguyên nhân tan rã của xã hội nguyên thủy
- + Trình bày được tác động điều kiện tự nhiên đã hình thành nên các quốc gia cổ đại; Những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại.
- Bồi dưỡng kỹ năng bước đầu so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử
- Định hướng phát triển năng lực:
  - + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
  - + Năng lực chuyên biệt: So sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử
  - Rèn luyện kỹ năng nêu, trình bày và đánh giá vấn đề
  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
  - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với địa phương (nếu có)
  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

#### 3. Về phẩm chất:

- Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

## **II. CHUẨN BỊ THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

### **1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Sơ đồ và bảng hệ thống kiến thức.
- Hệ thống câu hỏi thảo luận.

### **2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Sách vở, đồ dùng học tập
- Ôn tập theo chủ đề

## **III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

### **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

- Mục tiêu:* Tạo tâm thế để học sinh xác định được mục tiêu và nội dung về kiến thức, kỹ năng trong trong tiết ôn tập
- Nội dung:* GV tổ chức cho HS xem video để nêu vấn đề cho HS tìm hiểu trong tiết học
- Sản phẩm:* Hs lắng nghe và suy nghĩ và trả lời
- Cách thức thực hiện:*

Hình thức tổ chức: Hỏi đáp

1 Lịch sử là gì? Vì sao phải học lịch sử? Qua thời gian một học kỳ em biết gì về bộ môn lịch sử mà em đang học?

### **HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC**

GV tổ chức cho HS ôn tập các nội dung chính sau:

#### **Nội dung 1: Tư liệu lịch sử**

- GV hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu học tập 1
- *Hãy phân loại các tư liệu sau thành 3 nhóm: tư liệu hiện vật, tư liệu thành văn, tư liệu truyền miệng*



- Số 1 – tư liệu hiện vật
- Số 2 – tư liệu thành văn
- Số 3 – tư liệu truyền miệng

**Nội dung 2: Xã hội nguyên thủy**

1 Nguồn gốc loài người

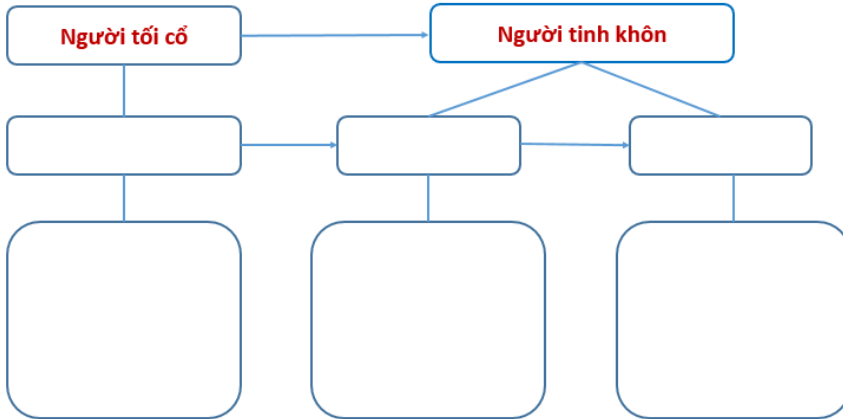
- GV tổ chức cho HS hoàn thành sơ đồ sau

Em hãy vẽ sơ đồ sự xuất hiện của loài người



2. Tổ chức xã hội của người tối cổ và người tinh khôn

Em hãy hoàn thiện sơ đồ sau:



Gợi ý sản phẩm

**Sơ đồ mô phỏng tổ chức xã hội của người nguyên thủy**



3, Đời sống vật chất

Hoàn thành bài tập sau:

|                    | Người tối cổ | Người tinh khôn |
|--------------------|--------------|-----------------|
| Đời sống vật chất  |              |                 |
| Đời sống tinh thần |              |                 |

Gợi ý sản phẩm

|  | Người tối cổ | Người tinh khôn |
|--|--------------|-----------------|
|--|--------------|-----------------|

|                    |   |  |
|--------------------|---|--|
| Đời sống vật chất  | Biết ghè đẽo đá làm công cụ lao động, tạo ra lửa, săn bắt và hái lượm tìm thức ăn, sống trong hang động | Biết mài đá làm công cụ lao động, chế tạo cung tên, làm đồ gốm, dệt vải, trồng trọt, chăn nuôi, dựng lều bằng cành cây, xương thú...để ở |
| Đời sống tinh thần | Làm đồ trang sức như vòng đeo tay bằng vỏ ốc hay răng thú,...<br>Vẽ tranh trên vách đá                  | Làm đồ trang sức (vòng tay...), làm tượng bằng đá, vẽ tranh trên đá, làm ồng sáo...đã có tục chôn người chết.                            |

**Nội dung 3: Các quốc gia cổ đại:**

Câu 1: Lập bảng thống kê

|  | Ai Cập | Luống Hà | Ấn độ |
|--|--------|----------|-------|
| Vị trí   |        |          |       |
| Điều kiện tự nhiên   |        |          |       |
| Hoạt động kinh tế  |        |          |       |
| Tổ chức nhà nước<br>+ Thời gian thành lập<br>+ Người đứng đầu nhà nước |        |          |       |

Gợi ý sản phẩm

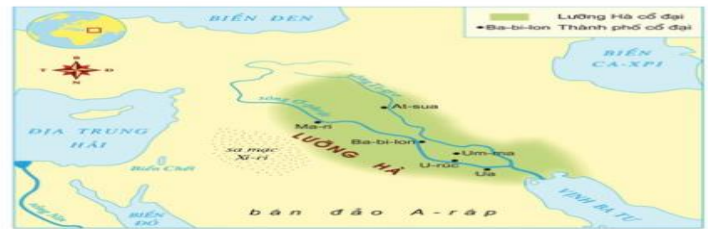
|                    | Ai Cập  | Luống Hà  | Ấn độ   |
|--------------------|---|---|---|
| Vị trí             | vùng đất thuộc Đông Bắc châu Phi - Nền văn minh Ai Cập được hình thành trên sông Nile   | Nằm ở khu vực Trung Đông - Hình thành trên lưu vực sông Tigrơ và Ơphrat   | Nằm ở Nam Á, 3 mặt giáp biển - Nền văn minh Độ được hình thành trên lưu vực Sông Ấn và S Hằng   |
| Điều kiện tự nhiên | Phía Bắc là đồng bằng châu thổ sông Nile (Hạ Ai Cập), phía Nam là Thượng Ai Cập (vùng đất dài hẹp, chủ yếu là cồn cát). Nước sông Nin hàng năm dâng tràn 2 bờ để lại lớp phù sa màu mỡ, thuận lợi | Bao bọc xung quanh Luống Hà là các sa mạc<br>Vùng đất giữa hai con sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát khá bằng phẳng và màu mỡ.<br><br>Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho trồng | Miền Bắc có những dãy núi cao bao bọc, đồng bằng sông Ấn chịu tác động của sa mạc nên ít mưa, đồng bằng sông Hằng mưa nhiều, trù phú, sản xuất nông nghiệp.<br>Miền Trung và miền Nam với cao nguyên Đê can |

|                   |   |   |   |
|-------------------|---|---|---|
|                   | canh tác nông nghiệp.   | trọt, giao thông và buôn bán  | với rừng rậm và núi đá, chăn nuôi gia súc.<br>Miền cực Nam và dọc theo 2 bờ biển là những đồng bằng nhỏ hẹp |
| Hoạt động kinh tế | Sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp (gốm, dệt vải), thương nghiệp buôn bán giữa Thượng và Hạ Ai Cập .<br>=> Cuộc sống ngày càng ổn định, no đủ, của cải dư thừa | Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho trồng trọt, giao thông và buôn bán | Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho trồng trọt, giao thông và buôn bán   |
| Tổ chức nhà nước  | + 3200 TCN<br>Pha-ra-ông  | 3000 TCN<br>En-xi   | 2500 TCN  |

**Câu 2: Quan sát hai lược đồ Ai Cập cổ đại và Lưỡng Hà cổ đại, kết hợp với kiến thức đã học, so sánh điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên giữa Ai Cập và Lưỡng Hà**







Lược đồ Ai Cập cổ đại



Lược đồ Lưỡng Hà cổ đại

|                                  |                                    |
|----------------------------------|------------------------------------|
| Điều kiện tự nhiên Ai Cập cổ đại | Điều kiện tự nhiên Lưỡng Hà cổ đại |
|                                  |                                    |

**Hãy dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa và hoàn thành bảng thống kê các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ai cập, Lưỡng Hà , Ấn Độ cổ đại? Thành tựu nào vẫn đang được sử dụng ngày nay**

| Lĩnh vực  | Thành tựu | Có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống này nay? | Đánh giá tầm quan trọng của nó |
|---|-----------|---|--------------------------------|
| Chữ viết và văn học<br>      |           |   |                                |
| Toán học<br>                 |           |   |                                |
| Luật pháp<br>               |           |   |                                |
| Kiến trúc và điêu khắc<br> |           |   |                                |

**Nội dung 4: Hệ thống kiến thức cơ bản chủ đề bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt trái đất.**

|   |  |
|---|--|
| <p><b>+ Hoạt động 1: Lí thuyết</b><br/> <b>Bước 1 :</b><br/>                     - Gv đưa hệ thống câu hỏi – hs trao đổi theo cặp<br/>                     - Hãy kể tên các hành tinh trong Hệ Mặt Trời và cho biết Trái Đất nằm ở vị</p> | <p><b><u>1.Lí thuyết</u></b><br/><br/>                     - Mặt Trời, sao Thủy, sao Kim, Trái Đất, sao Hoả, sao Mộc, sao Thổ, Thiên Vương, Hải Vương,</p> |
|---|--|

---

|   |   |
|---|---|
| <p>trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời ?</p> <p>- Nêu khái niệm về kinh tuyến và vĩ tuyến</p> <p>- Bản đồ là gì ?</p> <p>- Thế nào là tỉ lệ bản đồ ?</p> <p>- Tỉ lệ bản đồ cho chúng ta biết điều gì ?</p> <p>- Hãy nêu cách xác định phương hướng trên bản đồ dựa vào kinh tuyến ?</p> <p>- Tại sao khi sử dụng bản đồ trước tiên phải đọc chú giải ?</p> <p>- Các đối tượng địa lí thường được thể hiện trên bản đồ bằng những loại kí hiệu nào ?</p> <p>- Đường đồng mức là gì?</p> <p>- Nếu trên bản đồ các đường đồng mức sát vào nhau thì địa hình như thế nào?</p> | <p>- Trái Đất ở vị trí thứ 3 trong số 8 hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời</p> <p>- Kinh tuyến: Là đường lối liền 2 điểm cực Bắc với cực Nam trên bề mặt Trái Đất</p> <p>- Vĩ tuyến: Là những đường vuông góc với đường kinh tuyến và song song với đường xích đạo</p> <p>- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ trên mặt giấy tương đối chính xác vì một khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất</p> <p>- Tỉ lệ bản đồ: Là tỉ số khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách tương ứng trên thực tế</p> <p>- Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ mức độ thu nhỏ của khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực tế trên mặt đất.</p> <p>- Cách xác định phương hướng trên bản đồ dựa vào kinh tuyến.</p> <p>+ Đầu trên của kinh tuyến là hướng Bắc.</p> <p>+ Đầu dưới là hướng nam.</p> <p>+ Bên phải là hướng Đông.</p> <p>+ Bên trái là hướng tây.</p> <p>- Bảng chú giải giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của kí hiệu trên bản đồ.</p> <p>- Các đối tượng địa lí trên bản đồ được thể hiện bằng 3 loại:</p> <p>+ Kí hiệu điểm.</p> <p>+ Kí hiệu đường.</p> <p>+ Kí hiệu diện tích.</p> <p>- Đường đồng mức là những đường nối các điểm có cùng một độ cao</p> <p>- Nếu đường đồng mức càng sát vào nhau thì địa hình càng dốc.</p> |
|---|---|



|   |  |
|---|--|
| <p><b>Bước 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv yêu cầu Hs trả lời.</li> <li>- Gv chuẩn kiến thức.</li> </ul> <p><b>+ Hoạt động 2: Bài tập</b></p> <p><b>Bước 1 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv đưa ra các dạng bài tập( 4 nhóm )</li> <li>- Trên bản đồ có tỉ lệ 1:7.000.000 bạn Nam đo được khoảng cách giữa hai thành phố A và B là 6 cm. Hỏi trên thực tế hai thành phố này cách nhau bao nhiêu km ?</li> <li>- Trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 300.000, người ta đo được 5 cm. Hỏi thực tế khoảng cách đó là bao nhiêu km?</li> <li>- Trên bản đồ Việt Nam bạn Nhi đo được khoảng cách giữa hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng là 15 cm. Thực tế khoảng cách hai thành phố này là 105.000 m Hỏi bản đồ có tỉ lệ bao nhiêu ?</li> <li>- Xác định tọa độ địa lí một điểm</li> </ul> <p><b>Bước 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv yêu cầu Hs trả lời- nhận xét .</li> <li>- Gv chuẩn kiến thức.</li> </ul> | <p><b><u>2. Bài tập</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng cách của hai thành phố trên thực tế là:<br/> <math>6 \times 7.000.000 = 42000000 \text{ cm}</math><br/> <math>= 420 \text{ km}</math></li> <li>-Tương tự :Khoảng thực tế : 15 km</li> <li>- Khoảng cách bản đồ <math>\times</math> tỉ lệ bản đồ = Khoảng cách thực tế<br/> <math>\rightarrow</math> Khoảng cách thực tế : Khoảng cách bản đồ = Tỉ lệ bản đồ.</li> <li>- Hà Nội - Hải Phòng = 105.000m = 10.500.000cm<br/> <math>10.500.000 \text{ cm} : 15 = 700.000</math></li> <li>- Vậy tỉ lệ bản đồ là 1:700000</li> </ul> |
|---|--|

**Nội dung 5: Hệ thống kiến thức cơ bản chủ đề trái đất – hành tinh của hệ mặt trời.**

|  |  |
|--|--|
| <p><b>Bước 1: Gv yêu cầu HS thảo luận các nội dung sau</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tại sao có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên Trái đất?</li> <li>2. Tại sao Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời lại sinh</li> </ol> | <p><b>KIẾN THỨC CƠ BẢN CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Do Trái đất quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông nên khắp mọi nơi trên bề mặt Trái đất có ngày và đêm kế tiếp nhau</li> <li>2. Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quỹ đạo nên</li> </ol> |
|--|--|

|  |   |
|--|---|
| <p>ra hai thời kì nóng và lạnh luân phiên nhau ở hai nửa cầu trong một năm ?</p> <p>3. Vào những ngày nào trong năm , hai nửa cầu Bắc và Nam đều nhận một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau ?</p> <p>4. Các vĩ tuyến <math>23^{\circ}27'</math> Bắc và Nam là những đường gì ? Các vĩ tuyến <math>66^{\circ}33'</math> Bắc và Nam là những đường gì ?</p> <p>5. Vào ngày 22.6 các địa điểm tại vĩ tuyến <math>66^{\circ}33'</math> Bắc và Nam có hiện tượng gì ? Các địa điểm nằm ở cực Bắc và Nam có hiện tượng gì ?</p> <p>Bước 2 :<br/>- Gv yêu cầu Hs trả lời- nhận xét<br/>- Gv chuẩn kiến thức.</p> | <p>Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc , có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời .<br/>Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời , thì có góc chiếu lớn , nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt .<br/>Lúc ấy là mùa nóng của nửa cầu đó . Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời , thì góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt . Lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó .<br/>Các mùa nóng và lạnh luân phiên nhau ở hai nửa cầu trong một năm .</p> <p>3. Vào những ngày 21.3 và 23.9, hai nửa cầu Bắc và Nam đều nhận một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau.</p> <p>4. Vĩ tuyến <math>23^{\circ}27'</math> Bắc là đường chí tuyến Bắc<br/>Vĩ tuyến <math>23^{\circ}27'</math> Nam là đường chí tuyến Nam<br/>Vĩ tuyến <math>66^{\circ}33'</math> Bắc là đường vòng cực Bắc<br/>Vĩ tuyến <math>66^{\circ}33'</math> Nam là đường vòng cực Nam .</p> <p>5. Vào ngày 22.6 các địa điểm tại vĩ tuyến <math>66^{\circ}33'</math> Bắc có hiện tượng ngày dài 24 giờ.<br/>Vào ngày 22.6 các địa điểm tại vĩ tuyến <math>66^{\circ}33'</math> Nam có hiện tượng đêm dài 24 giờ .<br/>Các địa điểm nằm ở cực Bắc và Nam có hiện tượng ngày , đêm dài suốt 6 tháng</p> |
|--|---|

**Nội dung 6: HS tham gia trò chơi:**

- **Luật chơi nhanh như chớp:** Lớp trưởng đọc to luật chơi

Đội chơi sẽ hoạt động theo nhóm ở phần 1. GV sẽ chiếu lần lượt các câu hỏi trắc nghiệm, các đội sẽ giơ biểu tượng để dành quyền trả lời. Quyền trả lời chỉ thuộc về đội giơ biểu tượng nhanh nhất và sau khi giáo viên đọc xong câu hỏi. Thư kí sẽ ghi lại kết quả của các đội. Đội giành chiến thắng sẽ là đội có nhiều câu trả lời đúng  
Khi cả lớp đã rõ luật chơi, GV lần lượt chiếu và đọc các câu hỏi TN.

- Câu 1:** Nếu mỗi kinh tuyến cách nhau  $10^0$  thì trên bề mặt quả Địa Cầu có:
- A. 36 kinh tuyến.      B. 360 kinh tuyến.  
C. 306 kinh tuyến.      D. 3600 kinh tuyến.
- Câu 2:** Đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu gọi là
- A. Vĩ tuyến.      B. Kinh tuyến.  
C. Xích đạo.      D. Vĩ tuyến  $0^0$
- Câu 3:** Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin- uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn nước Anh được gọi là:
- A. Kinh tuyến gốc.      B. Kinh tuyến đông.  
C. Kinh tuyến tây.      D. Kinh tuyến đổi ngày
- Câu 4:** Trên quả địa cầu kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến
- A.  $180^0$       B.  $360^0$       C.  $0^0$       D.  $90^0$
- Câu 5:** Các vòng tròn trên bề mặt quả địa cầu vuông góc với kinh tuyến được gọi là
- A. Các vĩ tuyến bắc.      B. Các vĩ tuyến.  
C. Các vĩ tuyến gốc.      D. Các vĩ tuyến nam
- Câu 6:** Trên quả địa cầu, cứ cách 1 độ ta vẽ 1 vĩ tuyến thì có tất cả
- A. 360 vĩ tuyến.      B. 36 vĩ tuyến.  
C. 18 vĩ tuyến.      D. 181 vĩ tuyến
- Câu 7:** Trên Quả Địa Cầu đường xích đạo là
- A. Vĩ tuyến lớn nhất      B. Kinh tuyến nhỏ nhất  
C. Vĩ tuyến nhỏ nhất      D. Kinh tuyến lớn nhất
- Câu 8:** Theo quy ước quốc tế, đường Xích đạo được ghi số:
- A.  $0^0$       B.  $90^0$

C.  $180^0$                       D.  $360^0$

**Câu 9:** Vĩ tuyến Bắc là những đường:

- A. Song song với Xích đạo.
- B. Nằm từ xích đạo đến cực Bắc.**
- C. Nằm từ Xích đạo đến cực Nam.
- D. Nằm bên phải kinh tuyến gốc

**Câu 10:** Bản đồ có tỷ lệ 1/100.000. Vậy 5 cm trên bản đồ tương ứng với thực địa là:

A. 1 Km                      **B. 5 Km**                      C. 10 Km                      D. 15 Km

**Câu 11:** Tỷ lệ bản đồ cho chúng ta biết:

- A. Các đối tượng địa lý
- B. Các quốc gia, các khu vực
- C. Các ký hiệu địa lý
- D. Bản đồ thu nhỏ bao nhiêu lần so với thực địa**

**Câu 12:** Khoảng cách 1 cm trên bản đồ có tỷ lệ 1:2000.000 tương ứng ở thực địa là:

A. 2 Km    B. 12 Km  
C. **20 Km**    D. 200 Km

**Câu 13:** Kinh độ và vĩ độ của một địa điểm được gọi chung là:

- A. Kinh tuyến gốc    **C. Toạ độ địa lý**
- B. Vĩ tuyến gốc    D. Phương hướng trên bản đồ

**Câu 14:** Để thể hiện những đối tượng địa lý phân bố theo chiều dài ranh giới quốc gia, đường ô tô. người ta dùng:

- A. Kí hiệu điểm                      C. Kí hiệu diện tích.
- B. Kí hiệu đường**                      D. Kí hiệu tượng hình

**Câu 15:** Các ký hiệu diện tích trên bản đồ, thể hiện:

- A. Sân bay, cảng biển
- B. Vùng trồng lúa, trồng cây công nghiệp.**
- C. Nhà máy thủy điện
- D. Ranh giới tỉnh.

**Câu 16:** Muốn đọc, hiểu nội dung bản đồ thì bước đầu tiên là:

- A. Tìm phương hướng
- B. Đọc tỷ lệ bản đồ.
- C. Đọc tọa độ địa lý
- D. Đọc bảng chú giải**

**Câu 17:** Để thể hiện thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng. người ta dùng:

- A. Kí hiệu hình học.
- B. Kí hiệu chữ.
- C. Kí hiệu tượng hình.
- D. Kí hiệu điểm**

**Câu 18:** Theo quy ước quốc tế, bề mặt Trái Đất được chia thành:

- A. 12 khu vực giờ
- B. 20 khu vực giờ
- C. 24 khu vực giờ**
- D. 36 khu vực giờ

**Câu 19:** Giờ G.M.T là:

- A. Giờ riêng của mỗi khu vực
- B. Giờ riêng của mỗi quốc gia
- C. Giờ địa phương
- D. Giờ tính theo khu vực giờ gốc**

**Câu 20:** Hướng chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời:

- A. Từ Tây sang Đông, ngược chiều kim đồng hồ.**
- B. Từ Đông sang Tây, thuận chiều kim đồng hồ
- C. Từ Bắc xuống Nam
- D. Từ Nam lên Bắc

**GV tổng kết trò chơi và khen thưởng.**

GV nhắc nhở, dặn dò: Về nhà ôn tập tiết sau kiểm tra học kỳ